TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Ông Ngô Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số A P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T: Ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1968, chức vụ: Giám đốc phòng G (Quyết định số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hữu T1: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh - Phòng G; địa chỉ: Số F N, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng ngày 26/12/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp M, xã N,

huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn do ông Nguyễn Thành L đại diện trình bày:

Vào ngày 19/7/2016, bà Nguyễn Thị Thu L1 có giao kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016. Theo đó, Ngân hàng cho bà L1 vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay 24 tháng (tương ứng 24 kỳ, ngày cuối của hạn thanh toán nợ là ngày 21/7/2018); mục đích vay: Vay tiêu dùng tín chấp; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tương ứng là 15%/năm; phương pháp tính lãi: lãi được tính trên dự nợ gốc ban đầu. Sau khi thỏa thuận xong các điều kiện vay và được phê duyệt, ngày 21/7/2023, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng cho bà L1.

Sau khi vay, bà L1 đã trả được tổng số tiền 32.000.000 đồng, gồm các khoản sau: Vốn gốc là 26.120.000 đồng; lãi trong hạn là 5.880.000 đồng.

Tính đến ngày 10/11/2022, bà L1 còn nợ Ngân hàng số tiền 6.645.933 đồng, cụ thể gồm: Vốn 3.880.000 đồng; lãi trong hạn 120.000 đồng; lãi quá hạn tạm tính là 2.645.933 đồng (tiền lãi tính từ ngày 21/7/2018 đến 10/11/2022 tương ứng 53 tháng x 15%/năm x 3.880.000 đồng).

Sau khi bà L1 không thanh toán nợ thì Ngân hàng có điện thoại để yêu cầu bà L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà L1 chỉ hứa nhưng không có trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà L1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 10/11/2022 là 6.645.933 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/11/2022 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do ông Nguyễn Thành L đại diện trình bày: Ngày 19/7/2016, Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Thu L1 có xác lập hợp đồng tín dụng, theo đó, Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Thu L1 vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng (từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2018); mục đích vay: Vay tiêu dùng; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng 15%/năm; phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi mà bên vay phải góp 24 kỳ; đến ngày 21/7/2016, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng cho bà L1. Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Thu L1 đã trả được 21 kỳ trả nợ (từ ngày 21/7/2016 đến ngày 02/5/2018) và 01 lần trả nợ vào ngày 19/6/2020 với tổng số tiền 32.000.000 đồng (trong đó, tiền vốn gốc là 26.120.000 đồng; lãi trong hạn là 5.880.000 đồng) thì không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận cho đến nay. Tính đến ngày 26/4/2023, bà L1

còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 3.880.000 đồng và lãi là 3.035.917 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L1 trả nợ vốn và lãi tính đến ngày 26/4/2023 với tổng số tiền là 6.915.917 đồng (gồm: Vốn gốc 3.880.000 đồng, lãi trong hạn là 120.000 đồng; lãi quá hạn là 2.915.917 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Thu L1 trả nợ vốn và lãi tính đến ngày 26/4/2023 với tổng số tiền là 6.915.917 đồng (gồm: Vốn gốc 3.880.000 đồng, lãi trong hạn là 120.000 đồng; lãi quá hạn là 2.915.917 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L1 trả nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết; chủ thể tham gia giao dịch (bà Nguyễn Thị Thu L1) không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Thu L1 (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bà Nguyễn Thị Thu L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu L1.

[1.3] Tại phiên tòa, Ngân hàng bổ sung yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thu L1 có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính đến ngày 26/4/2023 là 3.035.917 đồng. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử

chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để xem xét, giải quyết trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị Thu L1 có nghĩa vụ trả tổng số tiền 6.915.917 đồng, gồm: nợ gốc 3.880.000 đồng, tiền lãi từ ngày 21/7/2018 đến ngày 26/4/2023 là 3.035.917 và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng căn cứ vào Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Thu L1 để yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng do bà Nguyễn Thị Thu L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Thu L1 đã giao kết trong Hợp đồng tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thu L1 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị Thu L1 không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Thu L1 có xác lập Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016 và bà Nguyễn Thị Thu L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như lời trình bày của Ngân hàng.

Xét thấy, việc xác lập Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thu L1 thanh toán tiền nợ gốc, lãi đối với khoản vay được 21 kỳ trả nợ (từ ngày 24/8/2016 đến ngày 02/5/2018), đến ngày 19/6/2020, bà L1 trả thêm nợ gốc với số tiền 500.000 đồng thì không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, làm phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/4/2023, bà Nguyễn Thị Thu L1 còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 3.880.000 đồng và lãi là 3.035.917 đồng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L1 có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/4/2023 với tổng số tiền 6.915.917 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016 là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Bà Nguyễn Thị Thu L1 có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bà Nguyễn Thị Thu L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 244, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu L1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nợ gốc và lãi của khoản vay như sau:

Nợ gốc: 3.880.000 (ba triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Tiền lãi tính đến ngày 26/4/2023 là 3.035.917 (ba triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm mười bảy) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/7/2016 kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thu L1 thanh toán xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thu L1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu L1 phải chịu 345.000 đồng (ba trăm, bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0013039 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang